

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST

Ngày: 27/7/2026

V/v “T/C HĐTD”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và Bà Nguyễn Thị Bắc.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 1379/2026/TB-TA ngày 07/7/2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q, chức vụ: Trưởng phòng - Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc Q:

- Ông Nguyễn Duy K; chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ của V1.
- Bà Huỳnh Thị Bảo P - Chuyên viên xử lý nợ của V1.
- Ông Ngô Văn H - Chuyên viên xử lý nợ của V1.

Địa chỉ: C T, phường P, Tỉnh Gia Lai.

(Theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28-7-2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Văn bản ủy quyền số 601140/2025/UQ-VPB ngày 06/11/2025 và số 0311/2026/UQ-VPB ngày 16/6/2026 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V).

Ông H có mặt, ông K và bà P vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Đức A, sinh năm 1987; địa chỉ: E P, tổ F, phường T (nay là phường H), tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2025, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Ngô Văn H** trình bày: Theo Hợp đồng cho vay số LD2503900286 ngày 08/02/2025 (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên **K1**, khách hàng **Lê Hoàng Đức A** đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)** đề vay số tiền là: 95.600.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày **V1** giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 08/02/2030; Phương thức giải ngân: giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại **V1**; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 38%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông **Lê Hoàng Đức A** đã trả nợ lãi tổng cộng 13.889.093 đồng (trong đó lãi trong hạn đã trả là: 10.856.075 đồng, lãi quá hạn đã trả là: 3.033.018 đồng) sau đó không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận cho **V1** nên **V1** đã chuyển món vay sang nợ quá hạn từ ngày 09/7/2025.

Tạm tính đến hết ngày 27/7/2026, ông **Lê Hoàng Đức A** còn nợ **V1** tổng số tiền là: 154.068.321 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi một đồng), (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.172.769 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.295.552 đồng).

Do ông **Lê Hoàng Đức A** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên **Ngân hàng TMCP V (V1)** đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông **Lê Hoàng Đức A** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 27/7/2026 là: 154.068.321 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi một đồng), (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.172.769 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.295.552 đồng).

- Buộc ông **Lê Hoàng Đức A** phải tiếp tục trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)** số tiền nợ lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông **Lê Hoàng Đức A** thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **V1**.

2. Đối với bị đơn là ông **Lê Hoàng Đức A** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải do Tòa án tiến hành vào ngày 06/02/2026 bị đơn có ý kiến như sau: Tôi thừa nhận có ký kết Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên kênh **V1** NEO với **V1**, ký ngày 08/02/2025: Số tiền cho vay: 95.600.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Thời hạn cho vay: tính từ ngày tiếp theo của ngày **V1** giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 08/02/2030. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 38%/năm. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 06/02/2026 theo hợp đồng cho vay trên là: 128.588.956 đồng (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi: 32.988.956 đồng. Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của **V1**. Nay do tình hình kinh tế khó khăn nên tôi xin được trả toàn bộ khoản nợ trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày hôm nay. Tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Lê Hoàng Đức A có địa chỉ tại: E P, tổ F T, phường H, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai.

Bị đơn là ông Lê Hoàng Đức A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 08/02/2025 Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) đã ký hợp đồng số LD2503900286 cho ông Lê Hoàng Đức A vay tiền (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh VPBank NEO, số tiền cho vay: 95.600.000 đồng; mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn cho vay: tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho Khách hàng đến ngày 08/02/2030. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 38%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Lê Hoàng Đức A đã trả nợ lãi tổng cộng 13.889.093 đồng (trong đó lãi trong hạn đã trả là: 10.856.075 đồng, lãi quá hạn đã trả là: 3.033.018 đồng) sau đó không tiếp tục trả nợ cho V1 nên V1 đã chuyển món vay sang nợ quá hạn từ ngày 09/7/2025.

Do ông Lê Hoàng Đức A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Hoàng Đức A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 27/7/2026 là: 154.068.321 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi một đồng), (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.172.769 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.295.552 đồng).

Ông Lê Hoàng Đức A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Lê Hoàng Đức A thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết tự nguyện, hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn là ông Lê Hoàng Đức A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 27/7/2026 là: 154.068.321 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm

sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi một đồng), (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.172.769 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.295.552 đồng).

Kể từ ngày 28/7/2026, ông **Lê Hoàng Đức A** còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên **K1**), Số: LD2503900286 ký kết với **V1** ngày 08/02/2025, nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 351, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP V (V1)**.

- Buộc ông **Lê Hoàng Đức A** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** tổng số tiền tính đến ngày 27/7/2026 là: 154.068.321 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi một đồng), (trong đó nợ gốc: 95.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.172.769 đồng, nợ lãi quá hạn: 54.295.552 đồng).

*Kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại: Hợp đồng cho vay số LD2503900286 ký ngày 08/02/2025. Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên **K1**, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bị đơn là ông **Lê Hoàng Đức A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.703.416 đồng.

- Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.730.882 đồng theo biên lai số 0005594 ngày 25/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 của Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV7- Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Đường sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà